

Tăng tỷ trọng

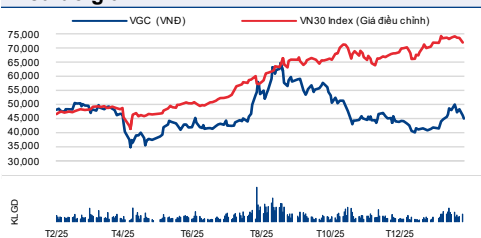
Giá mục tiêu: VNĐ52,800

Tiềm năng tăng/giảm: 17.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/1/2026)	45,000
Mã Bloomberg	VGC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,920-64,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	46,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	20,176
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	772
Sig CP lưu hành (tr.đv)	448
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	220
Sig CP NN được mua (tr.đv)	17.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.00%
Tỷ lệ freefloat	11.2%
Cổ đông lớn	Hạ tầng Gelex (50.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	11,913	12,754	14,172
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,869	4,179	4,858
LNTT (tỷ đồng)	1,636	1,616	1,881
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,105	1,220	1,322
FCF (tỷ đồng)	1,929	(57.4)	529
EPS ĐC (đồng)	2,464	2,722	2,948
DPS (đồng)	1,859	2,000	2,000
BVPS (đồng)	18,533	19,255	20,202
T.trưởng EBITDA (%)	(22.7)	8.01	16.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(9.29)	10.4	8.29
Tăng trưởng DPS (%)	(10.4)	7.57	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	32.5	32.8	34.3
Tỷ suất LNTT (%)	13.7	12.7	13.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.27	9.57	9.33
Tỷ lệ LN trả CT (%)	75.4	73.5	67.9
Nợ thuần/VCSH (%)	46.6	54.5	56.5
ROAE (%)	13.7	14.4	14.9
ROACE (%)	12.0	11.5	12.6
EV/doanh thu (lần)	1.86	1.81	1.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.72	5.52	4.83
P/E ĐC (lần)	18.3	16.5	15.3
P/B (lần)	2.43	2.34	2.23
Lợi suất cổ tức (%)	4.13	4.44	4.44

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Viglacera là một trong những chủ đầu tư phát triển KCN lớn nhất và doanh nghiệp vật liệu xây dựng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung, CFA

Trưởng phòng, Ngành Bất Động Sản

trung.ph@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản

trang.htk@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q4/2025: Lợi nhuận vượt kỳ vọng nhờ hoàn nhập dự phòng

- Lợi nhuận thuần Q4/2025 của VGC đạt 552 tỷ đồng, tăng 3,3% so với cùng kỳ (cao hơn kỳ vọng của HSC), trên doanh thu 4 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ khoản mục không thường xuyên 243 tỷ đồng, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 309 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ, do diện tích đất KCN được bàn giao giảm và tỷ suất lợi nhuận mảng kính xây dựng suy yếu.
- Doanh thu và LNTT năm 2025 đạt lần lượt 93% và 136% dự báo cho cả năm của chúng tôi trong khi hoàn thành lần lượt 92% và 126% KHKD cho cả năm của BLĐ công ty.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 14% trong 1 tháng qua, VGC đang giao dịch ở mức chiết khấu 30% so với RNAV, lớn hơn so với bình quân 3 năm ở mức 22%. HSC duy trì khuyến nghị và giữ nguyên giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

VGC công bố KQKD Q4/2025 vững chắc, với lợi nhuận thuần và doanh thu lần lượt đạt 552 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ) và 4 nghìn tỷ đồng (tăng 6,7% so với cùng kỳ). Kết quả này cao hơn kỳ vọng của chúng tôi. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần được hỗ trợ bởi khoản mục không thường xuyên (243 tỷ đồng, chủ yếu là hoàn nhập dự phòng do công ty tạm dừng kế hoạch đại tu lớn tại Công ty Kính nổi Viglacera (Tư nhân; VGC sở hữu 100% cổ phần)). Nếu loại trừ khoản mục không thường xuyên này, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 309 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ, do diện tích đất KCN được bàn giao giảm và tỷ suất lợi nhuận mảng kính xây dựng suy yếu.

Doanh thu và LNTT năm 2025 đạt lần lượt 93% và 136% dự báo cho cả năm của chúng tôi trong khi hoàn thành lần lượt 92% và 126% KHKD cho cả năm của BLĐ công ty.

Mảng BĐS KCN, Gạch ốp lát, Thiết bị vệ sinh ổn định trong khi mảng Kính xây dựng yếu

Doanh thu cho thuê đất KCN đạt 963 tỷ đồng, giảm 6,7% so với cùng kỳ nhưng tăng 163% so với quý trước. HSC ước tính VGC đã bàn giao 55 ha đất trong Q4/2025, nâng tổng diện tích đất KCN đã được bàn giao trong cả năm 2025 lên 139 ha (tại các dự án Yên Mỹ, Thuận Thành, Tiền Hải, Đông Mai), cao hơn kỳ vọng của chúng tôi ở mức 110 ha. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 62%, cao hơn ước tính của chúng tôi ở mức 56%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025, VGC

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Tổng doanh thu	3,728	3,978	6.7%	11,906	13,327	11.9%	93.3%
BĐS	1,116	1,189	6.6%	3,492	3,759	7.6%	
Vật liệu xây dựng	2,382	2,449	2.8%	7,438	8,251	10.9%	
Mảng khác	231	326	41.0%	983	1,305	32.7%	
Lợi nhuận gộp	1,250	1,314	5.2%	3,514	3,995	13.7%	
Chi phí BH&QL	512	454	-11.3%	1,602	1,702	6.2%	
LNTT	726	880	21.2%	1,635	2,203	34.7%	136.3%
Lợi nhuận thuần	535	552	3.3%	1,105	1,403	27.0%	115.0%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	-	243		-	243		
Lợi nhuận thuần trừ các khoản mục ròng không thường xuyên	535	309	-42.2%	1,105	1,160	5.0%	

Nguồn: VGC, HSC

BLĐ kỳ vọng mảng BĐS KCN sẽ có KQKD tốt hơn trong năm 2026 nhờ tâm lý nhà đầu tư cải thiện nhờ có mức thuế quan mới cũng như đóng góp từ các dự án mới (Sông Công II, Dốc Đá Trắng, Trấn Yên). Chúng tôi đồng ý với nhận định này.

Trong khi đó, doanh thu VLXD đạt 2.449 tỷ đồng, tăng 2,8% so với cùng kỳ và tăng 1,3% so với quý trước. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn kỳ vọng, đạt 10,8% so với mức 19,1% trong Q4/2024 và 15,3% trong Q3/2025, thấp hơn dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi ở mức 16,5%, chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận phân khúc kính xây dựng yếu. Thông tin chi tiết được trình bày ở trang kế tiếp.

- Doanh thu từ phân khúc kính xây dựng tăng 21,4% so với cùng kỳ đạt 662 tỷ đồng nhưng lỗ gộp 77 tỷ đồng (so với lãi gộp 89 tỷ đồng trong Q4/2024 và 3 tỷ đồng trong Q3/2025). Phân khúc này vẫn đang chịu áp lực cạnh tranh từ các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ. BLĐ cho biết Chính phủ đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với các sản phẩm kính xây dựng nhập khẩu và các biện pháp chống bán phá giá có thể sẽ được áp dụng. Công ty hiện đang làm việc với Bộ Xây dựng về vấn đề này. Nếu được phê duyệt, biện pháp bảo hộ này sẽ giúp giảm bớt áp lực cho ngành. Tuy nhiên, bộ vẫn chưa xác định được thời gian phê duyệt.
- Doanh thu từ gạch ốp lát tăng 5,1% so với cùng kỳ đạt 1.185 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp ổn định ở mức 17,2% (so với 19% trong Q4/2024), sát với dự báo của chúng tôi.
- Doanh thu từ phân khúc thiết bị vệ sinh tăng 6,2% so với cùng kỳ đạt 299 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp ổn định ở mức 32% (so với 34% trong Q4/2024), sát với dự báo.
- Doanh thu từ phân khúc gạch xây giảm 29% so với cùng kỳ xuống 303 tỷ đồng (năm 2025 giảm 2,2% xuống 1.158 tỷ đồng do phân khúc này đang bị thu hẹp). Tỷ suất lợi nhuận gộp ổn định ở mức 14% (so với 13% trong Q4/2024), sát với dự báo.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giữ nguyên giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 14% trong 1 tháng qua, VGC đang giao dịch ở mức chiết khấu 30% so với RNAV, lớn hơn so với bình quân 3 năm ở mức 22%. HSC duy trì khuyến nghị và giữ nguyên giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	13,194	11,913	12,754	14,172	15,099
Lợi nhuận gộp	3,519	3,514	3,602	3,992	4,439
Chi phí BH&QL	(1,568)	(1,603)	(1,707)	(1,806)	(1,949)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,951	1,912	1,895	2,186	2,490
Lãi vay thuần	(300)	(215)	(264)	(290)	(284)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(36.4)	(74.8)	(21.4)	4.36	13.3
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(12.1)	14.0	6.30	(19.4)	(19.4)
LNTT	1,602	1,636	1,616	1,881	2,199
Chi phí thuế TNDN	(440)	(446)	(323)	(375)	(437)
Lợi ích cổ đông thiểu số	55.9	(84.8)	(72.5)	(184)	(242)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,218	1,105	1,220	1,322	1,520
Lợi nhuận thuần ĐC	1,218	1,105	1,220	1,322	1,520
EBITDA ĐC	5,007	3,869	4,179	4,858	5,147
EPS (đồng)	2,717	2,464	2,722	2,948	3,390
EPS ĐC (đồng)	2,717	2,464	2,722	2,948	3,390
DPS (đồng)	2,076	1,859	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	448	448	448	448	448
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	448	448	448	448	448
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	448	448	448	448	448

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,842	2,861	2,934	2,628	2,972
Đầu tư ngắn hạn	627	433	433	433	433
Phải thu khách hàng	1,116	1,092	1,629	1,467	1,847
Hàng tồn kho	4,740	4,372	4,532	4,690	4,331
Các tài sản ngắn hạn khác	779	714	714	714	714
Tổng tài sản ngắn hạn	9,104	9,472	10,242	9,932	10,297
TSCĐ hữu hình	5,225	5,860	5,761	5,613	5,466
TSCĐ vô hình	160	160	158	156	153
Bất động sản đầu tư	1,942	1,914	1,881	1,973	1,910
Đầu tư dài hạn	8.22	8.22	8.22	8.22	8.22
Đầu tư vào Cty LD,LK	430	357	335	340	353
Tài sản dài hạn khác	7,229	7,070	7,913	9,224	10,364
Tổng tài sản dài hạn	14,996	15,370	16,057	17,314	18,254
Tổng cộng tài sản	24,099	24,842	26,299	27,246	28,552
Nợ ngắn hạn	2,897	2,572	3,069	3,069	3,067
Phải trả người bán	1,576	1,751	1,910	2,143	2,111
Nợ ngắn hạn khác	1,865	2,149	2,149	2,149	2,149
Tổng nợ ngắn hạn	8,337	8,758	9,294	9,570	9,741
Nợ dài hạn	2,237	2,240	2,770	2,832	3,097
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	161	187	187	187	187
Nợ dài hạn khác	3,414	3,265	3,260	3,260	3,266
Tổng nợ dài hạn	5,812	5,693	6,218	6,280	6,550
Tổng nợ phải trả	14,575	14,887	15,947	16,286	16,726
Vốn chủ sở hữu	7,853	8,309	8,633	9,058	9,681
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,671	1,646	1,719	1,902	2,145
Tổng vốn chủ sở hữu	9,524	9,955	10,351	10,960	11,825
Tổng nợ phải trả và VCSH	24,099	24,842	26,299	27,246	28,552
BVPS (đ)	17,516	18,533	19,255	20,202	21,592
Nợ thuần/(tiền mặt)	3,293	1,952	2,906	3,274	3,192

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,951	1,912	1,895	2,186	2,490
Khấu hao	(3,056)	(1,958)	(2,284)	(2,672)	(2,658)
Lãi vay thuần	(300)	(215)	(264)	(290)	(284)
Thuế TNDN đã nộp	(440)	(446)	(323)	(375)	(437)
Thay đổi vốn lưu động	(1,783)	1,432	(663)	280	157
Khác	218	(157)	6.30	(19.4)	(19.4)
LCT thuần từ HKKD	2,702	4,483	2,936	4,453	4,563
Đầu tư TS dài hạn	(3,568)	(2,554)	(2,993)	(3,925)	(3,585)
Góp vốn & đầu tư	(594)	(938)	0	0	0
Thanh lý	86.0	1,132	0	0	0
Khác	311	52.5	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(3,764)	(2,308)	(2,993)	(3,925)	(3,585)
Cổ tức trả cho CSH	(931)	(834)	(897)	(897)	(897)
Thu từ phát hành CP	294	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,578	(253)	1,027	62.3	262
Khác	(59.8)	(69.5)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	882	(1,156)	130	(834)	(634)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,019	1,842	2,861	2,934	2,628
LCT thuần trong kỳ	(180)	1,019	73.0	(306)	344
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.30	0.35	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,842	2,861	2,934	2,628	2,972
Dòng tiền tự do	(866)	1,929	(57.4)	529	978

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	26.7	29.5	28.2	28.2	29.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	37.9	32.5	32.8	34.3	34.1
Tỷ suất LNT (%)	9.23	9.27	9.57	9.33	10.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	27.4	27.3	20.0	20.0	19.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	(9.58)	(9.71)	7.06	11.1	6.54
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	2.03	(22.7)	8.01	16.2	5.95
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(29.5)	(9.29)	10.4	8.29	15.0
Tăng trưởng EPS (%)	(29.5)	(9.29)	10.4	8.29	15.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(29.5)	(9.29)	10.4	8.29	15.0
Tăng trưởng DPS (%)	(20.5)	(10.4)	7.57	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	76.4	75.4	73.5	67.9	59.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.7	13.7	14.4	14.9	16.2
ROACE (%)	12.9	12.0	11.5	12.6	13.6
Vòng quay tài sản (lần)	0.56	0.49	0.50	0.53	0.54
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.39	2.34	1.55	2.04	1.83
Số ngày tồn kho	179	190	181	168	148
Số ngày phải thu	42.1	47.5	65.0	52.6	63.2
Số ngày phải trả	59.5	76.1	76.2	76.8	72.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	62.3	46.6	54.5	56.5	54.1
Nợ/tài sản (%)	27.9	27.1	29.0	28.4	28.8
EBIT/lãi vay (lần)	6.50	8.89	7.18	7.53	8.76
Nợ/EBITDA (lần)	1.34	1.74	1.83	1.59	1.60
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.09	1.08	1.10	1.04	1.06
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.78	1.86	1.81	1.65	1.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.69	5.72	5.52	4.83	4.54
P/E (lần)	16.6	18.3	16.5	15.3	13.3
P/E ĐC (lần)	16.6	18.3	16.5	15.3	13.3
P/B (lần)	2.57	2.43	2.34	2.23	2.08
Lợi suất cổ tức (%)	4.61	4.13	4.44	4.44	4.44

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn